ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 579 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu thương mại dịch vụ tổng hợp số 1, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 309/TTr-TNMT ngày 01/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu thương mại dịch vụ tổng hợp số 1, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng" (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH TM-DV Phúc Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định[1]: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

[1] Thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-TNMT ngày 03/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Yên Dũng; UBND xã Hương Gián; Công ty TNHH TM-DV Phúc Thành và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH TM-DV Phúc Thành (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN "KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP SỐ 1, XÃ HƯƠNG GIÁN, HUYỆN YÊN DŨNG"

(Kèm theo Quyết định số 579 /QĐ-UBND ngày 05 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu thương mại dịch vụ tổng hợp số 1, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng.

- Địa điểm thực hiện: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH TM-DV Phúc Thành.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi đầu tư: Dự án thực hiện tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình trong phạm vi ranh giới dự án theo đồ án Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 được UBND huyện Yên Dũng phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 23/11/2021, với diện tích 9.549,4m^2, bao gồm san nền, sân đường giao thông, cấp điện; cấp thoát nước, bãi đỗ xe, cây xanh.

+ Công trình xây dựng: Cửa hàng xăng dầu, diện tích 1.280,5 m^2; công trình dịch vụ thương mại, diện tích 1.561,6 m^2.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

San nền; hệ thống thoát nước mưa, nước thải, xử lý nước thải; trồng cây xanh; hoàn trả kênh mương; xây dựng khối nhà làm việc, nhà lưu trú công vụ, nhà bảo vệ,…; cổng, tường rào, đường giao thông nội bộ; hệ thống chiếu sáng, cấp điện, nước,….

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án có tổng diện tích đất thu hồi 10.000 m^2, trong đó: diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử

dụng đất là 9.000 m^2 (theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 88/UBND-ĐT ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1451/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh).

- Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1451/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh, đã điều chỉnh mục tiêu đầu tư với tổng diện tích thực hiện dự án là 9.549,4 m^2.

- Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường thì tổng diện tích đất thực hiện dự án là 9.549,4m^2, trong đó: diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 8.375,6m^2, đất giao thông, thuỷ lợi là 1.173,8m^2. Lý do chênh lệch diện tích đất lúa: Khi lập danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa chưa rà soát, thống kê chính xác diện tích từng loại đất thu hồi. Sau khi tiến hành rà soát, tổng hợp đến từng thửa đất, diện tích đất thu hồi, từng loại đất thu hồi, đã thống kê được chính xác diện tích đất lúa trong dự án là 8.375,6 m^2 (theo Văn bản số 85/UBND-ĐC ngày 26/5/2023 của UBND xã Hương Gián).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư:

Dự án chiếm dụng 9.549,4 m^2 đất, trong đó: diện tích đất trồng lúa là 8.375,6m^2; đất giao thông, thuỷ lợi là 1.173,8m^2.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật,...

- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san nền dự án; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất san lấp, vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, vận chuyển chất thải; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng (máy đầm, máy đào, máy ủi, máy san, máy trộn bê tông, dầm cóc…); từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng,…); từ quá trình hàn, sơn.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường; nước thải thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng dự án; chất thải do hoạt động phát quang thảm thực vật; bùn thải từ quá trình nạo vét hoàn trả kênh mương; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và khách lưu trú tại dự án.

- Nước thải từ bếp ăn của dự án.

- Nước thải từ quá trình xúc rửa bồn chứa xăng, dầu.

- Nước thải nhiễm xăng dầu từ quá trình rửa bề mặt do dầu, mỡ rơi vãi.

* Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường dự án kéo theo các chất bẩn.

* Bụi, khí thải:

- Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực.

- Hơi xăng dầu từ quá trình xuất nhập, tồn trữ, vận chuyển qua các đường ống, bơm và bồn chứa.

- Mùi, hơi dầu mỡ từ hoạt động của bếp ăn khu dịch vụ.

- Mùi từ hệ thống thu gom, bể xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân và khu lưu trú; từ quá trình xây dựng các công trình thứ cấp, duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật, nạo vét rãnh thoát nước.

* Tác động do sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông, sự cố thiên tai; sự cố hư hỏng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường; sự cố về an toàn thực phẩm; nguy cơ lan truyền mầm bệnh, …

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh khoảng 01 m^3/ngày đêm trong giai đoạn san lấp mặt bằng và 04 m^3/ngày đêm trong giai đoạn thi công, xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, COD, tổng Coliforms,....

- Nước thải thi công phát sinh khoảng 2,1 - 2,4 m^3/ngày đêm, nước thải từ quá trình rửa xe khoảng 4 m^3/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, tổng dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)…

** Bụi, khí thải:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san nền dự án; hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất san lấp đến khu vực dự án; từ phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, vận chuyển chất thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, SO_2, NO_x,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, xây dựng (như: máy đầm, máy đào, máy ủi, máy san, máy trộn bê tông, dầm cóc…), với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, VOC và các hợp chất hữu cơ độc hại.

- Bụi phát sinh do quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng,…). Nồng độ bụi trong 1 ca làm việc là 0,038 - 0,38 mg/m^3.

- Bụi, khí thải thải từ quá trình hàn, sơn.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân trên công trường khoảng 05 kg/ngày trong giai đoạn san lấp mặt bằng và khoảng 20 kg/ngày trong giai đoạn thi công, xây dựng.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 0,76 tấn, thành phần chủ yếu là gốc, rễ hoa màu, cây bụi....

- Bùn thải từ quá trình nạo vét hoàn trả kênh mương phát sinh khoảng 78,4 m^3.

- Chất thải rắn xây dựng (như: vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,…) phát sinh khoảng 0,16 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại (như: găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải từ quá trình thay dầu,...) phát sinh khoảng 542 kg/năm, tương đương 45,16 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động tới giao thông của khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến sức khỏe và an toàn của công nhân xây dựng và người dân địa phương,…

- Tác động do sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố ngập úng; sự cố nổ bom, mìn tồn lưu từ chiến tranh.

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân và khách lưu trú tại dự án khoảng 3,6 m^3/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là các chất hữu cơ (BOD_5), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms…

- Nước thải từ bếp ăn phát sinh khoảng 0,9 m^3/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là các chất hữu cơ (BOD_5), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms…

- Nước thải từ quá trình xúc rửa bồn chứa xăng dầu, định kỳ 03 tháng thực hiện xúc rửa 01 lần với lượng thải khoảng 02 m^3/lần, với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

- Nước thải nhiễm xăng dầu từ quá trình rửa bề mặt do dầu, mỡ rơi vãi, định kỳ 01 tháng thực hiện rửa mặt bằng 01 lần, lượng nước phát sinh 2,56 m^3/lần, với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

** Nước mưa chảy tràn:*

Nước mưa chảy tràn bề mặt sân, mái nhà, đường giao thông của dự án kéo theo bụi bẩn từ mái nhà, sân bãi, chất bẩn, xăng dầu bị rò rỉ trên mặt bằng hay vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển xuống hệ thống thoát nước.

** Bụi, khí thải:*

- Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi TSP, khí NO_2, SO_2, CO;

- Hơi xăng dầu từ quá trình xuất nhập, tồn trữ, vận chuyển qua các đường ống, bơm và bồn chứa, với thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC).

- Mùi, hơi dầu mỡ từ hoạt động của bếp ăn khu dịch vụ, với thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC).

- Mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, bể xử lý nước thải, khu tập kết rác thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH_3, H_2S, Mercaptane, CO_2, CH_4…;

3.2.2. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 12,5 kg/ngày; cặn dầu mỡ từ bếp ăn phát sinh khoảng 0,02 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ bể xử lý nước thải khoảng 0,0145 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật và bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước mưa, nước thải toàn bộ dự án khoảng 0,9 m^3/năm.

- Chất thải nguy hại (như: bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải,…) phát sinh khoảng 5,5 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra, vào dự án,...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động do sự cố hư hỏng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố do thiên tai; sự cố về an toàn thực phẩm; phòng, chống lan truyền mầm bệnh.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, nước thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

** Nước thải sinh hoạt:*

Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động có 01 bể chứa nước thải dung tích 6,0 m^3. Đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy).

** Nước thải thi công:*

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công, Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu (gồm: cát, sỏi, xi măng…) tại vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán, tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu, cũng như khó quản lý và gây ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, vệ sinh tay chân: Bố trí 2 - 3 thùng phuy có dung tích 200 lít/thùng phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vật liệu xây dựng hoặc dập bụi, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ nước rửa xe tại cầu rửa xe tạm thời được tập hợp tại hố thu nước (đặt ngay gần khu cầu rửa xe) để lắng, tách dầu mỡ, sau đó tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe hoặc làm nước tưới đường dập bụi, không xả thải ra môi trường (bố trí 01 bể tách dầu 02 bậc, thể tích 06 m^3 để tách dầu).

** Nước mưa chảy tràn:*

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

- Thi công các mương, cống thoát nước theo đúng thiết kế kỹ thuật của dự án trước hoặc sau mùa mưa. Đối với những vị trí đào, đắp chưa kịp thi công cống, mương thoát nước kiên cố sẽ được xây dựng tuyến thoát nước mưa tạm thời.

- Thực hiện nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng thường xuyên.

- Hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão; đặc biệt phần diện tích thuộc mương thoát nước hiện trạng.

- Những vị trí phải đào, đắp cát, đặc biệt là những vị trí thi công cống thoát nước dễ tiếp xúc với dòng nước, cần phải đầm nén đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ thuật đề ra để đảm bảo khi có mưa, hoặc nước lớn chảy qua lớp đất đắp sẽ không bị cuốn trôi.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án phối hợp với nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp để hạn chế sự phát tán sang các khu vực xung quanh, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ công nhân lao động:

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Máy móc, thiết bị tham gia thi công đảm bảo các yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải.

- Bố trí xe tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp mặt bằng cho dự án tại những vị trí qua khu đông dân cư, trường học, với tần suất tưới nước từ 2-4 lần/ngày.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao tối thiểu 2m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, chất thải rắn,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Lập kế hoạch thi công xây dựng và nhân lực hợp lý để tránh trồng chéo giữa các quy trình thực hiện, áp dụng phương pháp xây dựng hiện đại, các phương tiện thi công tiên tiến, cơ giới hóa và tối ưu hóa quy trình xây dựng.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động công đoạn hàn và sơn:

+ Quá trình hàn thực hiện trong khu vực riêng biệt, khuất gió và cách xa khu vực dân cư để hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh.

+ Việc sơn tường nhà thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật. Không tiến hành sơn phía bên ngoài tường vào những ngày gió to; đồng thời, sử dụng bạt để thu gom sơn rơi vãi xuống mặt công trình, sau đó bạt này được thu gom xử lý cùng với chất thải nguy hại.

+ Công nhân làm việc trực tiếp trong quá trình hàn và sơn được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,.. để đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hàng ngày vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.

* Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật; thi công, xây dựng:

- Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật: Trước khi thi công 02 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch thi công đến địa phương nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí. Đối với chất thải không tận dụng được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét hoàn trả kênh mương được tận dụng đổ vào các lô đất cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải.

- Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các loại chất thải (như: sắt thép, đường dây điện tháo dỡ, giấy vụn, bìa carton,...) được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các loại chất thải (như: đất, đá, gạch vỡ thừa,…) được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

+ Các chất thải không tận dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

- Đất, cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu được thu gom, sau đó đổ san nền những khu vực trũng trong phạm vi dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa này được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời trong khu vực công trường (kho chứa diện tích 4m^2, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo). Đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số. Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Thực hiện nghiêm túc các quy phạm thi công vào những thời điểm nhất định, cụ thể là chỉ vận hành các thiết bị được bảo dưỡng tốt ngay ngoài hiện trường. Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích luỹ ở mức thấp nhất.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Máy móc, thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên, bổ sung dầu mỡ định kỳ và kiểm định đạt tiêu chuẩn. Không sử dụng máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Không vận hành các loại máy có độ ồn cao vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 6h-12h và 13h-18h.

- Sử dụng các kết cấu đàn hồi giảm rung (như: hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi,….) và lắp tại các điểm dẫn động của máy và bệ máy; định kỳ kiểm tra hoặc thay thế để giảm độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tổ chức học tập, huấn luyện về công tác an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ, công nhân tham gia trên công trường.

- Tất cả cán bộ, công nhân tham gia thi công đều có cam kết thực hiện quy tắc an toàn lao động; được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng hộ cá nhân (như:

mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính hàn…) và phải có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường, các sự cố khác có thể xảy ra như: sự cố chảy nổ; sự cố mất an toàn lao động; an toàn giao thông.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến khả năng thoát nước, gây ngập úng…

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với nước thải

- Nước thải nhà ăn: Được thu gom qua lưới chắn rác để tách rác thô trước khi dẫn vào bể tách dầu mỡ dung tích 2m^3, gồm 02 ngăn, sau đó đưa về bể xử lý nước thải tập trung của dự án bằng đường ống D110 để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh: Được thu gom theo đường ống D110 về bể xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý cùng nước thải nhà ăn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thoát ra mương tiêu Đồng Vược và chảy vào kênh tiêu Thái Sơn 3, thôn Tân Tiến, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng (*kênh tiêu Thái Sơn 3 do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương quản lý*).

Dự án xây dựng 01 bể xử lý nước thải tập trung với tổng thể tích 10 m^3 tại khu vực sau nhà dịch vụ để xử lý nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh và nước thải nhà ăn (*bể xử lý được thiết kế gồm có 4 ngăn: Ngăn điều hòa (lắng sơ bộ), ngăn xử lý kỵ khí, ngăn lọc và ngăn khử trùng*).

- Nước thải từ quá trình xúc rửa bồn chứa xăng, dầu: Trong thời gian hoạt động thường xuyên, Chủ dự án tiến hành xúc rửa và thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải này đem đi xử lý theo quy định (định kỳ 03 tháng/lần).

- Nước thải nhiễm dầu: Trường hợp có dầu, mỡ rơi vãi trên mặt bằng sẽ dùng giẻ lau thấm dầu mỡ, phần dầu mỡ còn bám trên bề mặt, định kỳ 01 tháng/lần tiến hành phun nước rửa mặt bằng và nước nhiễm dầu được thu gom bằng hệ thống ống D200 dài 20m vào bể gom có nắp đậy, dung tích 3m^3 (kích thước 2mx1,5mx1m), khi bể đầy, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định như chất thải nguy hại.

4.2.1.2. Đối với nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho dự án là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy. Hướng thoát từ Bắc xuống Nam, sau đó thoát vào mương tiêu Đồng Vược và chảy về kênh tiêu Thái Sơn 3 tại K1+800.

- Thiết kế hệ thống rãnh B400 để thu nước mặt trên sân và thu nước từ các ống đứng thoát nước mưa của các hạng mục công trình. Nước mưa trên mái các công trình được thu vào các phễu thu, sau đó theo các ống đứng dẫn xuống thoát vào hệ thống rãnh thoát nước chung của dự án.

- Rãnh thoát nước B400 đổ BTCT M200, đá 1x2; tấm đan rãnh đổ BTCT M200, đá 1x2. Ống thoát nước mưa dùng ống BTCT đúc sẵn tải trọng C, đế cống BTCT đúc sẵn.

- Định kỳ 06 tháng/lần, bố trí nhân công thực hiện nạo vét, kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước, hố ga thu nước, tránh ứ đọng, tắc nghẽn, gây ngập úng và bốc mùi hôi cho khu vực.

4.2.1.3. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:

+ Trồng cây xanh trong khu vực dự án; mặt bằng được bê tông cứng hóa.

+ Thường xuyên tổ chức quét dọn, phun nước tưới mặt đường cạnh dự án để giảm thiểu lượng bụi phát sinh.

- Đối với hơi xăng, dầu: Thực hiện lắp đặt hệ thống đường ống dẫn thu hồi hơi xăng dầu theo đúng quy định, khi nhập xăng dầu vào bể sử dụng phương pháp nhập kín; kiểm soát các hoạt động xuất, nhập, vận chuyển và hệ thống các đường ống, bồn chứa...: Bồn chứa luôn ở tình trạng kín; lưu trữ các sản phẩm xăng, dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bồn; các bồn chứa luôn được kiểm soát và chống nóng; kiểm tra định kỳ hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hư hỏng. Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các lá thép thành bồn có dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì sẽ dừng ngay việc nhập xăng, dầu mới, xuất hết xăng, dầu cũ để tu sửa lại; thiết kế, lắp đặt bồn chứa và hệ thống đường ống đảm bảo đúng tiêu chuẩn QCVN 01:2020/BTC - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực bếp ăn: Sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như điện, năng lượng mặt trời. Lắp đặt hệ thống chụp hút, thiết bị lọc mùi tĩnh điện và bố trí hệ thống thông gió hút tự nhiên.

- Mùi hôi từ khu tập kết rác, hệ thống thu gom, bể xử lý nước thải:

+ Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom, đưa về điểm tập kết rác cách xa khu vực làm việc, sinh hoạt; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày, không gây tồn, ứ đọng rác.

+ Định kỳ 06 tháng/lần, thực hiện nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

4.2.2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, cặn dầu mỡ từ bếp ăn

- Bố trí 05 thùng rác loại 120 lít/thùng có nắp đậy, đặt tại các khu vực nhà dịch vụ, cửa hàng xăng dầu, khuôn viên trong phạm vi dự án. Ngoài ra, bố trí lao công phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh.

- Các loại chất thải rắn này được cán bộ lao công thu gom hàng ngày và lưu trữ tại 01 xe chứa rác dung tích 500 lít/xe. Đồng thời, Chủ dự án hợp đồng

với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tuần suất 01 lần/ngày).

4.2.2.2. Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án, lượng bùn thải từ các bể tách mỡ bể tự hoại, bùn từ bể xử lý nước thải

- Các loại chất thải rắn phát sinh (như: bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình), Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét kênh mương: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định (định kỳ 06 tháng/lần).

- Bùn thải phát sinh từ bể xử lý nước thải: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng hút vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

4.2.2.3. Đối với chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại (như: pin, bóng đèn, vỏ thùng, can đựng dầu, giẻ lau dính dầu mỡ, nước thải nhiễm dầu, …) được thu gom, phân loại và bỏ vào 05 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, có nhãn dán tên, mã chất thải. Thùng chứa chất thải nguy hại có khả năng chống được ăn mòn, kết cấu chịu va đập, có nắp đậy kín, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, được đặt trong kho chứa diện tích 3m^2 (*kho chứa thiết kế có mái che, nền chống thấm, biển cảnh báo theo quy định…).*

- Nước xúc rửa bồn chứa xăng, dầu và nước thải nhiễm dầu từ quá trình rửa mặt bằng được đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

Chủ dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định *(định kỳ 01 năm/lần và có thể thay đổi nếu thấy cần thiết hoặc khi kho chứa chất thải nguy hại đầy*).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

- Khu vực đặt máy phát điện cách xa khu vực làm việc, nơi đông người qua lại, được xây dựng tường bao quanh để cách âm và có cửa cách âm; máy phát điện được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

4.2.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố (như: cháy nổ, chập điện; tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường; sự cố về an toàn thực phẩm; nguy cơ lan truyền mầm bệnh, …).

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Đồng thời, trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Dán niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát nước trong mùa mưa bão.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực có sét đánh.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại công trường xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, bụi toàn phần, NO_2, SO_2, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công, xây dựng.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 309/TTr-TNMT ngày 01/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.